

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vinh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vinh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vinh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07/7/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 07/7/2017 là 35.362.220.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là **VLP**.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Quí	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ban kiểm soát	Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban
	Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên
	Ông Lương Minh Triết	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Ngô Thành Thía	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Ngô Thành Thía

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Số: 102/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long, được lập ngày 25/3/2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 07/3/2020 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc phụ trách**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

*Giấy Ủy quyền số 06/2021/UQCN - CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Thay mặt và đại diện***CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHANH TP. HỒ CHÍ MINH****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021*

Nguyễn Khánh Minh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		58.891.664.035	50.875.963.772
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.150.956.201	9.216.857.847
1. Tiền	111		17.150.956.201	9.216.857.847
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.656.572.277	40.668.412.067
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.897.640.479	39.280.325.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	969.153.950	794.853.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	789.777.848	593.232.957
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	15.079.759	195.062.999
1. Hàng tồn kho	141		15.079.759	195.062.999
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		69.055.798	795.630.859
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	69.055.798	70.320.381
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	-	725.310.478
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		9.538.100.419	10.932.409.952
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		5.904.944.154	7.796.509.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.904.944.154	7.796.509.353
- Nguyên giá	222		27.421.117.734	27.373.712.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.516.173.580)	(19.577.202.874)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.045.909.090	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	1.045.909.090	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.587.247.175	3.135.900.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.587.247.175	3.135.900.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		68.429.764.454	61.808.373.724

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		15.782.482.238	12.900.038.578
I- Nợ ngắn hạn	310		15.782.482.238	12.900.038.578
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	142.660.000	92.901.164
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.171.169.730	1.416.018.252
3. Phải trả người lao động	314		6.622.928.451	4.971.329.930
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	-	560.550.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.875.278.451	3.109.483.539
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.970.445.606	2.749.755.693
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		52.647.282.216	48.908.335.146
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	52.623.550.216	49.113.022.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.362.220.000	35.362.220.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.362.220.000	35.362.220.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.952.205.303	4.948.866.155
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.309.124.913	8.801.935.978
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		528.562.861	490.805.484
- LNST chưa phân phối kì này	421b		8.780.562.052	8.311.130.494
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		23.732.000	(204.686.987)
1. Nguồn kinh phí	431		23.732.000	(204.686.987)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		68.429.764.454	61.808.373.724

Người lập

Trần Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Dung

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Thành Thía

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	86.288.896.361	79.181.401.572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.14	7.115.446.630	2.859.331.901
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	79.173.449.731	76.322.069.671
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	53.012.871.655	52.068.714.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.160.578.076	24.253.354.715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	77.609.038	22.575.315
7. Chi phí tài chính	22	5.17	4.227.173	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	14.669.828.506	13.329.978.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		11.564.131.435	10.945.951.215
11. Thu nhập khác	31	5.19	966.129.573	397.656.320
12. Chi phí khác	32	5.19	257.325.380	192.680.228
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		708.804.193	204.976.092
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.272.935.628	11.150.927.307
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	1.492.373.576	1.139.796.813
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.780.562.052	10.011.130.494
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.787	1.660

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị







Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	95.889.743.441	87.808.014.801
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(53.589.187.199)	(86.853.608.759)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(39.301.699.992)	(35.284.096.393)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(4.227.173)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(32.978.354)	(705.625.414)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	34.513.234.809	52.539.690.710
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(11.688.639.594)	(14.267.483.653)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	25.786.245.938	3.236.891.292
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(66.821.871)	(909.090.909)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.115.887	22.575.315
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(49.705.984)	(886.515.594)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.802.441.600)	(2.802.441.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.802.441.600)	(2.802.441.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	22.934.098.354	(452.065.902)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	9.216.857.847	9.668.923.749
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	32.150.956.201	9.216.857.847

Vinh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vinh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vinh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07/7/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 35.362.220.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là **VLP**.

Số lao động bình quân năm 2020 của Công ty là: 265 người (Năm 2019 là: 264 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo qui hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghỉ địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1. Xí nghiệp Công viên Cây xanh	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Dịch vụ chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, thăm cỏ, hoa kiểng trong công viên, khuôn viên và ngoài công cộng
2. Xí nghiệp Vệ sinh môi trường	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế 4 năm tính từ năm 2017 và giảm 50% thuế TNDN cho 5 năm tiếp theo đối với thu nhập dịch vụ môi trường. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	367.222.195	364.793.614
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.783.734.006	8.852.064.233
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
Tổng	32.150.956.201	9.216.857.847

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 3,2%/năm.

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	18.267.008.192	31.243.316.931
Các khách hàng khác	6.630.632.287	8.037.009.029
Tổng	24.897.640.479	39.280.325.960
Phải thu khách hàng là bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.1)	18.267.008.192	31.243.316.931

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hộ kinh doanh Quang (XD CB)	458.756.000	397.461.000
Công ty Cổ phần TV XD và TM Tín Đức	-	136.125.000
Các nhà cung cấp khác	510.397.950	261.267.150
Tổng	969.153.950	794.853.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	50.342.309	-	40.000.000	-
Chi phí thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	524.440.000	-	210.000.000	-
Tạm ứng	73.516.342	-	37.732.953	-
Phải thu về chi hộ	-	-	185.356.919	-
Bảo hành công trình	78.825.000	-	106.528.700	-
Phải thu KPCĐ, BHXH, BHTN	2.161.046	-	612.738	-
Các khoản khác	60.493.151	-	13.001.647	-
Tổng	789.777.848	-	593.232.957	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.079.759	-	41.924.499	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	153.138.500	-
Tổng	15.079.759	-	195.062.999	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Cơ sở hoa kiểng Yên Vy	31.000.000	31.000.000	30.000.000	30.000.000
Phan Thanh Hương	110.400.000	110.400.000	-	-
Các đối tượng khác	1.260.000	1.260.000	62.901.164	62.901.164
Tổng	142.660.000	142.660.000	92.901.164	92.901.164

5.10 Thuế và các khoản phải trả/phải thu Nhà nước

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020 (VND)
Phải nộp	1.416.018.252	6.243.488.485	5.488.337.007	2.171.169.730
Thuế giá trị gia tăng	1.405.118.252	4.379.143.722	4.375.126.856	1.409.135.118
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	773.770.657	32.978.354	740.792.303
Thuế thu nhập cá nhân	10.900.000	217.968.169	207.625.860	21.242.309
Thuế đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất	-	869.605.937	869.605.937	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	725.310.478	725.310.478	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	725.310.478	725.310.478	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	69.055.798	70.320.381
Chi phí bảo hiểm	69.055.798	70.320.381
b) Dài hạn	2.587.247.175	3.135.900.599
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.515.184.668	2.952.608.092
Chi phí sửa chữa	72.062.507	183.292.507
Tổng	2.656.302.973	3.206.220.980

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	3.123.268.664	24.250.443.563	27.373.712.227
Tăng trong năm	47.405.507	-	47.405.507
XDCB hoàn thành trong năm	47.405.507	-	47.405.507
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	3.170.674.171	24.250.443.563	27.421.117.734
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2020	2.718.544.220	16.858.658.654	19.577.202.874
Tăng trong năm	131.624.501	1.807.346.205	1.938.970.706
Khấu hao trong năm	131.624.501	1.807.346.205	1.938.970.706
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.850.168.721	18.666.004.859	21.516.173.580
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	404.724.444	7.391.784.909	7.796.509.353
Tại ngày 31/12/2020	320.505.450	5.584.438.704	5.904.944.154

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 8.684.108.532 đồng (tại ngày 31/12/2019: 8.004.191.932 đồng).

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí mua Xe Fortuner 7 chỗ	1.027.272.727	-
Chi phí thẩm định mua xe bồn	18.636.363	-
Tổng	1.045.909.090	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trích trước chi phí của công trình Thay mới chữ cổng chào xã Tân Ngãi, Công viên tượng đài chiến thắng Mậu Thân	-	106.800.000
Trích trước chi phí trang trí đường hoa tết	-	453.750.000
Tổng	-	560.550.000

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xí nghiệp Công Viên Cây Xanh	1.155.444.196	752.663.544
Xí nghiệp Vệ Sinh Môi Trường	1.514.939.520	2.116.365.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	204.894.735	240.454.995
Tổng	2.875.278.451	3.109.483.539

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	35.362.220.000	3.225.928.399	7.283.875.540	45.872.023.939
Tăng trong năm	-	1.722.937.756	10.011.130.494	11.734.068.250
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	10.011.130.494	10.011.130.494
Phân phối lợi nhuận	-	1.722.937.756	-	1.722.937.756
Giảm trong năm	-	-	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2018	-	-	8.493.070.056	8.493.070.056
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.828.977.600	2.828.977.600
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	3.222.937.756	3.222.937.756
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	491.842.200	491.842.200
Tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	249.312.500	249.312.500
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2019	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	35.362.220.000	4.948.866.155	8.801.935.978	49.113.022.133
Số dư tại ngày 01/01/2020	35.362.220.000	4.948.866.155	8.801.935.978	49.113.022.133
Tăng trong năm	-	3.003.339.148	10.780.562.052	13.783.901.200
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	10.780.562.052	10.780.562.052
Phân phối lợi nhuận	-	3.003.339.148	-	3.003.339.148
Giảm trong năm	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2019 (*)	-	-	10.273.373.117	10.273.373.117
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	2.828.977.600	2.828.977.600
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	2.304.096.375	2.304.096.375
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	136.959.994	136.959.994
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (**)	-	-	3.003.339.148	3.003.339.148
Số dư tại ngày 31/12/2020	35.362.220.000	7.952.205.303	9.309.124.913	52.623.550.216

(*) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2020, theo đó, Công ty chia cổ tức 8% vốn điều lệ, trích quỹ đầu tư phát triển 30% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019, trích quỹ khen thưởng người quản lý bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện.

(**) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành và người lao động theo nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14/12/2020 của Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long	81,24%	2.872.822	28.728.220.000	81,24%	2.872.822	28.728.220.000
Vốn của cổ đồng khác	18,76%	663.400	6.634.000.000	18,76%	663.400	6.634.000.000
Tổng	100,00%	3.536.222	35.362.220.000	100,00%	3.536.222	35.362.220.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.362.220.000	35.362.220.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.362.220.000	35.362.220.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	2.828.977.600	2.828.977.600

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.952.205.303	4.948.866.155
Tổng	7.952.205.303	4.948.866.155

5.14 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.288.896.361	79.181.401.572
Tổng	86.288.896.361	79.181.401.572
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.115.446.630	2.859.331.901
- Giảm giá dịch vụ cung cấp	7.115.446.630	2.859.331.901
Doanh thu thuần	79.173.449.731	76.322.069.671

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.012.871.655	52.068.714.956
Tổng	53.012.871.655	52.068.714.956

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.609.038	22.575.315
Tổng	77.609.038	22.575.315

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí tài chính khác	4.227.173	-
Tổng	4.227.173	-

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.800.809.441	9.735.623.602
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.511.434	139.939.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.749.137	243.463.392
Thuế phí và lệ phí	872.605.937	234.502.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.317.833	-
Chi phí quản lý khác	4.344.834.724	2.976.450.171
Tổng	14.669.828.506	13.329.978.815

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền di dời cây xanh	33.207.272	88.275.663
Thu khắc phục tai nạn giao thông	7.945.455	106.618.636
Thu tiền bán phế liệu	62.431.713	83.556.364
Tiền bồi thường	656.989.188	-
Các khoản khác	205.555.945	119.205.657
Tổng	966.129.573	397.656.320
Chi phí khác		
Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	92.395.124	11.143
Phạt vi phạm hành chính	52.295.564	6.000.000
Chi bồi thường khắc phục tai nạn giao thông	-	106.371.767
Chi phí khác	112.634.692	80.297.318
Tổng	257.325.380	192.680.228
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	708.804.193	204.976.092

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.272.935.628	11.150.927.307
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	197.428.235	653.027.673
Các khoản chi phí không được trừ	197.428.235	653.027.673
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	319.473.282
Các khoản điều chỉnh giảm	-	319.473.282
Thu nhập chịu thuế	12.470.363.863	11.484.481.698
Thu nhập được miễn thuế	1.810.552.605	5.997.693.813
Thu nhập tính thuế	10.659.811.258	5.486.787.885
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.131.962.252	1.097.357.577
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ	639.588.676	-
Thuế TNDN hiện hành	1.492.373.576	1.097.357.577
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	6.707.559	42.439.236
Tổng thuế TNDN phải nộp	1.499.081.135	1.139.796.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.780.562.052	10.011.130.494
Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý (*)	(4.459.918.521)	(4.141.056.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.320.643.531	5.870.074.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	1.787	1.660

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2020, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 với tỷ lệ 38% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019 và quỹ thưởng người quản lý là 3,37% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019. Theo đó, ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 là 4.096.613.580 đồng và quỹ thưởng người quản lý là 363.304.941 đồng, số tiền này có thể thay đổi sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

(**) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong năm 2020. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.011.130.494	10.011.130.494
Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý	(1.700.000.000)	(4.141.056.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.311.130.494	5.870.074.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.350	1.660

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.497.124.489	9.180.728.186
Chi phí nhân công	43.626.833.942	44.194.764.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.938.970.706	2.987.315.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.700.516.732	3.124.870.113
Chi phí khác	8.609.397.514	5.895.254.819
Tổng	66.372.843.383	65.382.933.771

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất giao dịch	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND (Trình bày lại)		
Hội đồng Quản trị						
Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch (Miễn nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	1.564.845.563	2.196.689.573		
Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch (Bổ nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	449.150.142	574.366.360		
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	44.355.513	517.434.847		
Bà Nguyễn Thị Quý	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	380.821.728	402.530.513		
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	302.970.221	316.648.400		
		Thu nhập từ lương và lợi ích khác	387.547.959	385.709.453		
Ban kiểm soát						
Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	585.660.991	438.523.378		
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	379.821.728	402.523.378		
Ông Lương Minh Triết	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	169.839.263	-		
			36.000.000	36.000.000		
Ban Giám đốc						
Ông Ngô Thành Thía	Giám đốc (Miễn nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	1.212.537.804	1.305.674.813		
			444.168.117	517.434.847		
Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc (Bổ nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	38.100.751	-		
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	349.447.208	385.709.453		
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	380.821.728	402.530.513		
Kế toán trưởng						
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	355.864.948	372.916.141		
Tổng			3.718.909.306	4.313.803.905		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua bán với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
<u>Giao dịch bán</u>				
Phòng quản lý đô thị TP. Vinh Long	Cùng chủ sở hữu	Cung cấp dịch vụ	64.745.613.279	62.689.641.866
Tổng			64.745.613.279	62.689.641.866

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Khoản mục số dư</u>	<u>31/12/2020</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2020</u> <u>VND</u>
Phòng quản lý đô thị TP. Vinh Long	Cùng chủ sở hữu	Phải thu khách hàng	18.267.008.192	31.243.316.931
Tổng			18.267.008.192	31.243.316.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía